

PHẦN I. VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

QUỐC HỘI

ỦY BAN THƯỜNG VỤ
QUỐC HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nghị quyết số: 830/2009/
UBTVQH12

NGHỊ QUYẾT

về việc sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 295/2007/NQ-UBTVQH12 ngày 28 tháng 9 năm 2007 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc ban hành Biểu thuế xuất khẩu theo Danh mục nhóm hàng chịu thuế và khung thuế suất đối với từng nhóm hàng, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi theo Danh mục nhóm hàng chịu thuế và khung thuế suất ưu đãi đối với từng nhóm hàng và Nghị quyết số 710/2008/NQ-UBTVQH12 ngày 22 tháng 11 năm 2008 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 295/2007/NQ-UBTVQH12

ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 51/2001/QH10;

Căn cứ Luật tổ chức Quốc hội số 30/2001/QH10 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 83/2007/QH11;

Căn cứ Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 45/2005/QH11,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1.

1. Sửa đổi, bổ sung khung thuế suất một số nhóm hàng tại Biểu thuế xuất khẩu theo Danh mục nhóm hàng chịu thuế và khung thuế suất đối với từng nhóm hàng được ban hành kèm theo Nghị quyết số 710/2008/NQ-UBTVQH12 ngày 22 tháng 11 năm 2008 của Ủy ban thường

vụ Quốc hội thành khung thuế suất một số nhóm hàng tại Biểu thuế xuất khẩu theo Danh mục nhóm hàng chịu thuế và khung thuế suất đối với từng nhóm hàng được ban hành kèm theo Nghị quyết này.

2. Sửa đổi khung thuế suất nhóm hàng 02.01 tại Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi theo Danh mục nhóm hàng chịu thuế và khung thuế suất ưu đãi đối với từng nhóm hàng được ban hành kèm theo Nghị quyết số 295/2007/NQ-UBTVQH12 ngày 28 tháng 9 năm 2007 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thành khung thuế suất nhóm hàng 02.01 tại Biểu thuế

nhập khẩu ưu đãi theo Danh mục nhóm hàng chịu thuế và khung thuế suất ưu đãi đối với từng nhóm hàng được ban hành kèm theo Nghị quyết này.

Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 12 năm 2009./.

Hà Nội, ngày 17 tháng 10 năm 2009

TM. ỦY BAN THƯỜNG VỤ
QUỐC HỘI
CHỦ TỊCH

Nguyễn Phú Trọng

**KHUNG THUẾ SUẤT MỘT SỐ NHÓM HÀNG TẠI BIỂU THUẾ XUẤT KHẨU
THEO DANH MỤC NHÓM HÀNG CHỊU THUẾ VÀ KHUNG THUẾ SUẤT
ĐỐI VỚI TỪNG NHÓM HÀNG**

*(ban hành kèm theo Nghị quyết số 830/2009/UBTVQH12
ngày 17 tháng 10 năm 2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội)*

Số thứ tự	Nhóm hàng	Khung thuế suất (%)
29	Da thuộc	0 - 25
	Da sống, trừ da sống của cá sấu	5 - 25
	Da sống của cá sấu	0 - 25
30	Các mặt hàng bằng gỗ	0 - 25
	Gỗ các loại, than củi, trừ than gáo dừa và than đốt từ vỏ quả hoặc hạt khác	5 - 25
	Than gáo dừa và than đốt từ vỏ quả hoặc hạt khác	0 - 25

**KHUNG THUẾ SUẤT NHÓM HÀNG 02.01 TẠI BIỂU THUẾ NHẬP KHẨU
ƯU ĐÃI THEO DANH MỤC NHÓM HÀNG CHỊU THUẾ VÀ KHUNG
THUẾ SUẤT ƯU ĐÃI ĐỐI VỚI TỪNG NHÓM HÀNG**

*(ban hành kèm theo Nghị quyết số 830/2009/UBTVQH12
ngày 17 tháng 10 năm 2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội)*

Mã số	Nhóm hàng	Khung thuế suất (%)
02.01	Thịt trâu, bò tươi hoặc ướp lạnh	5 - 33

09609843